

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-ST

Ngày: 20 - 8- 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Gia Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và ông Nguyễn Tiến Tập

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLST-DS ngày 03/6/2020 về: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST - DS, ngày 20/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-DS ngày 05/8/2020 giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**

Địa chỉ: số 77 T, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn L – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Ngọc B – chức vụ: Giám đốc chi nhánh S Quảng Ninh.

Người được uỷ quyền lại: bà Vũ Thị Kim D , chức vụ: Giám đốc PGD H; địa chỉ: số nhà 66 T, TP H, tỉnh Quảng Ninh và ông Nguyễn Tiến C– chức vụ: phó trưởng phòng phụ trách xử lý nợ; bà D có mặt tại phiên tòa; ông C vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà **Phạm Thị N**, sinh năm: 1974

Địa chỉ: Tổ 44, Khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Vũ Thị Kim D trình bày:

Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng trung hạn số 104/2015/HĐTDTH-CN/S.110301 ngày 12/06/2015, Ngân hàng TMCP S Chi nhánh Quảng Ninh, PGD H đã cấp hạn mức tối đa cho Bà Phạm Thị N vay số tiền là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng chẵn)

- Tại khế ước nhận nợ số 01/2015/KUNN-CN ngày 12/06/2015, bà Phạm Thị N đã nhận nợ số tiền 700.000.000 đồng;

- Mục đích vay vốn: Sửa chữa cửa hàng và mua sắm đồ nội thất phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh cà phê giải khát.

- Thời hạn vay 60 tháng;

- Lãi suất vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân và theo quy định lãi suất cho vay của S;

- Lãi trả vào ngày 26 hàng tháng.

- Tài sản bảo đảm tiền vay của Hợp đồng tín dụng nêu trên bao gồm:

+ 01 bất động sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tổ 44c, khu 12, phường Q, thị xã U, tỉnh Quảng Ninh (nay là thành phố U) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số V079585 do UBND thị xã U cấp 01/10/2002, số vào sổ cấp GCN 173. Chủ sở hữu: Bà Phạm Thị N. Tài sản được ký kết theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 82/2015/HĐTC-CN/S.110301 ngày 12/06/2015, được công chứng bởi Văn phòng công chứng Ưông Bí và Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Thực hiện đúng Hợp đồng tín dụng số 104/2015/HĐTDTH-CN/S.110301 ngày 12/06/2015 sau khi ký kết, S đã thực hiện giải ngân đầy đủ số tiền 700.000.000 đồng theo đúng yêu cầu cho bà Phạm Thị N, cụ thể theo khế ước nhận nợ nêu trên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng kể từ khi vay vốn cho đến ngày 26/12/2015, bà Phạm Thị N đã trả được 97,125,790 đồng. Trong đó trả gốc 70,695,764 đồng, trả lãi 20,069,571 đồng và lãi chậm trả 6,360,455 đồng. Còn kể từ ngày 26/12/2015 đến nay khách hàng không thực hiện trả nợ cho ngân hàng, nên toàn bộ khoản vay đã bị chuyển nợ quá hạn. Tính đến ngày 20/8/2020, khách hàng còn nợ phải trả cho S là **1.061.960.596** đồng, trong đó tổng nợ gốc là 629.304.236 đồng, nợ lãi trong hạn là 340.593.316 đồng, nợ lãi quá hạn là 92.063.044 đồng

Mặc dù S đã nhiều lần đôn đốc và tạo điều kiện để bà Phạm Thị N trả nợ cho Ngân hàng, nhưng bà Phạm Thị N đều không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Đã lâu bà Ngân không liên hệ và hợp tác với Ngân hàng, đồng thời Ngân hàng cũng không thể liên lạc được với bà Ngân. Việc bà Ngân không có mặt tại nơi cư trú đã được Ngân hàng S yêu cầu Tòa án thành phố Ưông Bí giải quyết việc dân sự thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú theo Quyết định số 11/2019/TB-TLVA của Tòa án thành phố Ưông Bí ngày 29/10/2019. Trên cơ sở vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ và không còn có mặt tại nơi cư trú, Ngân hàng S đã quản lý tài sản thế chấp và tiếp tục khởi kiện bà Phạm Thị N ra Tòa án để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng. Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Bà Phạm Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 20/8/2020, bà Ngân còn nợ phải trả cho S là **1.061.960.596** đồng, trong đó tổng nợ gốc là 629.304.236 đồng, nợ lãi trong hạn là 340.593.316 đồng, nợ lãi quá hạn là 92.063.044 đồng và tiếp tục phải trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà Phạm Thị N thanh toán toàn bộ khoản vay.

2. Ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Phạm Thị N không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

3. Trong trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp mà số tiền thu được không đủ trả nợ thì bà Phạm Thị N vẫn phải tiếp tục trả nợ số tiền còn lại cho Ngân hàng TMCP S.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không có lý do, không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Ngày 02/7/2020 Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất 64 m², trên đất có nhà mái bằng diện tích 53,4 m², mái tôn diện tích 23,4 m², công trình phụ 5,1 m². Nhà xây đúng ranh giới, các hộ giáp ranh không có tranh chấp. Tài sản thế chấp hiện nay ngân hàng đang quản lý, cửa khóa.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP S các khoản nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc được yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bà Ngân không trả được nợ. Trường hợp phát mại tài sản bảo đảm chưa đủ trả nợ thì bà Ngân vẫn phải tiếp tục trả nợ số tiền còn lại cho Ngân hàng TMCP S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến, quan điểm của đương sự và đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP S khởi kiện bà Phạm Thị N phải trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 104/2015/HĐTDTH-CN/S.110301 ngày 12/06/2015. Xác định đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Bị đơn là bà Phạm Thị N có địa chỉ tại tổ 44, khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Phạm Thị N đã bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tuyên bố vắng mặt tại nơi cư trú và không có mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù các thông báo triệu tập đã được niêm yết hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Phạm Thị N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đánh giá về hợp đồng tín dụng và yêu cầu trả nợ.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 104/2015/HĐTDTH-CN/S.110301 ngày 12/06/2015 giữa Ngân hàng TMCP S và bà Phạm Thị N được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng nêu trên có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm ký kết.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ; Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết; Theo khế ước nhận nợ số 01/2015/KUNN-CN ngày 12/06/2015, bà Phạm Thị N đã nhận nợ số tiền 700.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng kể từ khi vay vốn cho đến ngày 26/12/2015, bà Phạm Thị N đã trả được 97,125,790 đồng. Trong đó trả gốc 70,695,764 đồng, trả lãi 20,069,571 đồng và lãi chậm trả 6,360,455 đồng.

Do bà Phạm Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay đã bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 26/12/2015. Từ đó đến nay bà Ngân chưa trả được thêm số tiền gốc và lãi nào; Căn cứ vào các Điều **5, 6, 7, 10** của Hợp đồng tín dụng qui định về tính lãi vay, trả nợ gốc, lãi vay, trả nợ trước hạn và phương thức trả nợ, nghĩa vụ của bên vay thì đến thời điểm hiện nay hợp đồng đã hết thời hạn. Vì vậy, Ngân hàng S yêu cầu bà Ngân phải trả tính đến ngày 20/8/2020 là: **1.061.960.596đ** (*Một tỷ không trăm sáu mươi một triệu chín trăm sáu mươi nghìn năm trăm chín mươi sáu đồng*), trong đó tổng nợ gốc là 629.304.236đ (*Sáu trăm hai mươi chín triệu ba trăm linh tư nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng*), nợ lãi trong hạn là 340.593.316đ (*Ba trăm bốn mươi triệu năm trăm chín mươi ba nghìn ba trăm mười sáu đồng*), nợ lãi quá hạn là 92.063.044đ (*Chín mươi hai triệu không trăm sáu mươi ba nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng*) và tiếp tục tính lãi theo Hợp đồng cho vay đến ngày bà Ngân thanh toán được toàn bộ khoản vay là đúng theo quy định pháp luật.

Từ các căn cứ nêu trên, nên yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp luật định nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 82/2015/HĐTC-CN/S.110301 ngày 12/06/2015 đối với tài sản đảm bảo tại địa chỉ tổ 44c, khu 12, phường Q, thị xã U, tỉnh Quảng Ninh (nay là thành phố U) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số V079585 do UBND thị xã U cấp 01/10/2002, số vào sổ cấp GCN 173 mang tên người sử dụng là bà Phạm Thị N, giữa Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Quảng Ninh, phòng giao dịch H được ký kết bởi người có thẩm quyền của Ngân hàng với bà Phạm Thị N là hoàn toàn tự nguyện, được thực hiện tại Văn phòng Công chứng U và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố U đã đảm bảo đúng trình tự quy định, việc ký kết không bị ép buộc, nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật có hiệu lực, cần được thực hiện.

Trên cơ sở vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ và bà Phạm Thị N không có mặt tại nơi cư trú nên Ngân hàng TMCP S đã quản lý tài sản thế chấp, hiện nay ngân hàng S đang khóa cửa nhà bà Ngân và không có ai sử dụng tài sản thế chấp trên.

Do đó nếu bà Ngân không thanh toán khoản tiền trên thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp để đảm bảo khoản tiền vay của bà Ngân cũng như trường hợp số tiền xử lý tài sản bảo đảm thế chấp không đủ trả nợ và các chi phí phát sinh khác thì bà Phạm Thị N tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ số tiền còn lại cho Ngân hàng TMCP S là có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Thị N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*). Số tiền này Ngân hàng TMCP S đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/6/2020 nên bà Phạm Thị N phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho Ngân hàng TMCP S.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Phạm Thị N

- Buộc bà Phạm Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 20/8/2020 là: **1.061.960.596đ** (*Một tỷ không trăm sáu mươi một triệu chín trăm sáu mươi nghìn năm trăm chín mươi sáu đồng*), trong đó tổng nợ gốc là 629.304.236đ (*Sáu trăm hai mươi chín triệu ba trăm linh tư nghìn hai trăm ba mươi sáu đồng*), nợ lãi trong hạn là 340.593.316đ (*Ba trăm bốn mươi triệu năm trăm chín mươi ba nghìn ba trăm mười sáu đồng*), nợ lãi quá hạn là 92.063.044đ (*Chín mươi hai triệu không trăm sáu mươi ba nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng*).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là từ ngày: 21/8/2020 cho đến khi trả hết số tiền nợ trên, bà Phạm Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo Hợp đồng tín dụng số 104/2015/HĐTDTH-CN/S.110301 ngày 12/06/2015 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Phạm Thị N không trả hết nợ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số V079585 do UBND thị xã U (nay là thành phố U) cấp ngày 01/10/2002, sổ vào sổ cấp GCN 173 mang tên người sử dụng là bà Phạm Thị N, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 82/2015/HĐTC-CN/S.110301 ngày 12/06/2015 để thu hồi nợ.

- Trường hợp số tiền xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ và các chi phí phát sinh khác thì bà Phạm Thị N tiếp tục nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP S.

2. Về chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Phạm Thị N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) (Số tiền này Ngân hàng TMCP S đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/06/2020, nên bà

Phạm Thị N phải có trách nhiệm trả số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng TMCP S. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Phạm Thị N không trả đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP S có quyền nộp đơn yêu cầu thi hành án và bà Phạm Thị N phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị N phải chịu **43.858.817đ** (*Bốn mươi ba triệu tám trăm năm mươi tám nghìn tám trăm mười bảy đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí là 21.261.000 đồng (*Hai mươi một triệu hai trăm sáu mươi một nghìn đồng*), theo biên lai số 0003388, ngày 03/06/2020 của Chi cục Thi hành án thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND TP Uông Bí.
- Chi cục THADS TP Uông Bí.
- Các đương sự.
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Gia Ninh